TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số: 386/2020/HS-PT
Ngày: 06-6-2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Nam Hà.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Tâm và ông Lưu Ngọc Cảnh.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Dương Tuấn Dũng - Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 06/6/2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 133/2020/TLPT-HS ngày 17/01/2020 theo Quyết định đưa vụ án hình sự ra xét xử phúc thẩm số 85/2020/QĐXXPT-HS ngày 03/02/2020 đối với bị cáo Đặng Thị H do có kháng cáo của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 106/2019/HS-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện TA, thành phố Hà Nội.

Bị cáo có kháng cáo: ***ĐẶNG THỊ H***, sinh năm 1982; *ĐKNKTT:* Đội 04, ĐS, phường HK, quận H, thành phố Hà Nội; *hiện tạm trú tại:* Phòng A1511 Tòa nhà Plaza, phường LM, quận H, thành phố Hà Nội; *nghề nghiệp:* Lao động tự do; *trình độ học vấn:* 12/12; *chuyên môn:* Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn; *quốc tịch:* Việt Nam; *dân tộc:* Kinh; *tôn giáo:* Không; con ông Đặng Hữu Tr và bà Hoàng Thị Đ; có chồng là Nguyễn Tuấn Ng và 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2012; *tiền án, tiền sự:* Chưa; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/01/2019 đến 10/5/2019; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Chu Thị Út Quỳnh và ông Nguyễn Doãn Hùng, Luật sư thuộc Công ty luật TNHH HTC Việt Nam; ông Nguyễn Viết Đức, Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Diệp - Nguyễn và Cộng sự, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

Bị hại không có kháng cáo:

1. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1987; *trú tại:* Xóm Bến, xã TN, huyện TA, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1985; *trú tại:* Thôn Khoái Cầu, xã LT, huyện TA, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

3. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong *(TP Bank)*; *địa chỉ:* Số 57 phố Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

1. Anh Nguyễn Tiến T, sinh năm 1976; *trú tại:* Thôn Phú Cốc, xã HB, huyện TA, thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Anh Nguyễn Ánh D, sinh năm 1985; *trú tại:* Xóm Phạm Hồng Thái, xã HB, huyện TA, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi cho anh Nguyễn Tiến T và anh Nguyễn Ánh D: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hà, Luật sư thuộc Công ty luật Hà Đăng; ông Huỳnh Phương Nam, Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Huỳnh Nam - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo: Chị Đào Thị H2, sinh năm 1978 *(Kế toán Trường THPT TTL, TA)*; *trú tại:* Khu đất dịch vụ xã BV, huyện TA, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 20 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Năm 2017, do quen anh Đinh Công Lập, là cán bộ Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín *(Sacombank)* - Chi nhánh Hào Nam và chị Nguyễn Thị Lệ Hằng, là cán bộ Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong *(TPBank)* - Chi nhánh Thăng Long nên Đặng Thị H biết các Ngân hàng đang có chương trình ưu đãi cho các Giáo viên khi mở thẻ tín dụng tại Ngân hàng. Từ đó, H đã nảy sinh ý định tìm các đối tác làm thẻ tín dụng để rút tiền hạn mức nhằm chiếm đoạt tài sản; nếu làm được thẻ tín dụng cho khách hàng theo đúng quy trình thì H sẽ nghĩ cách để lấy lại các thẻ tín dụng đó để mua hàng hoặc rút tiền mặt thông qua việc mua hàng giả tạo, H sẽ phải chi trả 01% trên tổng số giá trị hàng hóa đã đặt mua giả tạo; đối với những khách hàng mà H chỉ mượn tên của họ thì sau khi ngân hàng phát hành thẻ tín dụng H sẽ tìm cách để được nhận trực tiếp các thẻ tín dụng để rút tiền mặt hoặc mua hàng. Bằng thủ đoạn này, thông qua chị Lê Thu H1 là Giáo viên dạy Văn của Trường THPT TTL, là bạn học phổ thông giới thiệu, H biết chị Đào Thị H2 - Kế toán của Trường TTL. H trao đổi với chị H2 về việc Sacombank

và TP Bank có chương trình làm thẻ tín dụng ưu đãi đối với các giáo viên, có quà tặng khuyến mãi bằng tiền hoặc hiện vật. Chị Đào Thị H2 đã đồng ý và trao đổi lại với các cán bộ, giáo viên của Trường thì đa số các giáo viên trong Trường chỉ có nhu cầu làm thẻ tín dụng tại Sacombank. Chị Đào Thị H2 đã trao đổi lại, đồng thời cung cấp cho H các dữ liệu làm thẻ gồm: Chứng minh thư nhân dân, hộ khẩu thường trú, thang bảng lương của các cán bộ, giáo viên. Sacombank đã cử cán bộ đến Trường thu thập các thông tin của các giáo viên thông qua chị Đào Thị H2. Ngày 13/11/2017, qua ra soát, Sacombank chỉ phát hành được 08 thẻ tín dụng cho các giáo viên Trường TTL gồm các anh chị: Lê Đức Lẫm, Lương Thị Bích Liên, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Thùy Chi, Vũ Thị Vui, Lê Thị Thùy Linh, Phạm Thị Ngọc Mai; ngoài ra, Sacombank còn phát hành thẻ tín dụng cho 02 vợ chồng chị Đào Thị H2. Cán bộ Ngân hàng cũng thông báo cho H biết vì H là người giới thiệu. Sau khi nắm được thông tin đó, Đặng Thị H đã trực tiếp gọi điện thoại cho các chủ thẻ đề nghị họ đưa lại thẻ tín dụng cho H để được nhận quà thưởng nhưng chỉ có chị Nguyễn Thị L và chị Nguyễn Thị Thu H đã tin tưởng giao lại cho H 02 thẻ tín dụng Sacombank. Sau khi nhận được 02 thẻ tín dụng này, H đã trực tiếp rút tiền mặt thông qua việc mua bán hàng hóa giả tạo tại cửa hàng buôn bán mỹ phẩm, tổng số tiền là 44.052.800 đồng trên tổng hạn mức tín dụng 44.655.000 đồng, cụ thể: Ngày 14/11/2017, H tự ý thực hiện giao dịch, sử dụng số tiền là 19.552.800 đồng trong thẻ tín dụng Sacombank của chị Nguyễn Thị L trên hạn mức tín dụng trong thẻ là 19.855.000 đồng *(Mua hàng hóa thanh toán qua máy Pos)*. Ngày 15/11/2017, H tự ý thực hiện giao dịch, sử dụng số tiền là 24.500.000 đồng trong thẻ tín dụng Sacombank của chị Nguyễn Thị Thu H trên hạn mức tín dụng trong thẻ là 24.800.000 đồng *(Mua hàng hóa thanh toán qua máy Pos)*.

Vài ngày sau sự việc bị bại lộ, chị Nguyễn Thị L và chị Nguyễn Thị Thu H đã gọi điện yêu cầu H chuyển trả số tiền đã sử dụng trong thẻ tín dụng của mình. Ngày 27/11/2017, H đã chuyển khoản thông qua ứng dụng Internet Banking trả vào tài khoản của chị Nguyễn Thị L và chị Nguyễn Thị Thu H số tiền trên.

Cùng thời điểm trên, sau khi đã nắm được các thông tin về nhân thân của các giáo viên Trường TTL, H đã liên hệ với chị Nguyễn Thị Lệ Hằng, cán bộ TP Bank - Chi nhánh Thăng Long và nói dối với chị Hằng là các giáo viên Trường TTL có nhu cầu làm thẻ tín dụng TP Bank. Sau đó, chị Hằng đã chuyển các phôi hồ sơ làm thẻ tín dụng cho H. Từ các thông tin có được của các cán bộ, giáo viên Trường TTL, H đã trực tiếp và nhờ những người không quen điền các thông tin vào các hồ sơ làm thẻ tín dụng và ký giả tên của các giáo viên rồi chuyển các hồ sơ làm thẻ tín dụng đó cho chị Nguyễn Thị Lệ Hằng. Sau khi xem xét lại các hồ sơ, nếu còn thiếu các thông

tin cần thiết, chị Hằng đã trực tiếp gọi điện thoại cho H để yêu cầu H cung cấp. H đã cung cấp các số điện thoại bằng các sim rác cho chị Hằng; đồng thời, cung cấp cả số điện thoại 0977926662 của H để làm số liên lạc chính của các chủ thẻ. Sau khi phát hành thẻ, TP Bank đã thông qua Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Nội Bài để chuyển thẻ đến cho các khách hàng. Chị Lê Thị O, nhân viên Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Nội Bài Bài được giao nhiệm vụ chuyển phát đã liên hệ với H theo số điện thoại được ghi trong hồ sơ làm thẻ. Khi gặp, H đã nói là đồng nghiệp với các chủ thẻ đến nhận hộ thẻ tín dụng và đưa ra các hình ảnh chụp chứng minh thư nhân dân, sổ hộ khẩu của các cán bộ, giáo viên, nhân viên có tên mở thẻ tín dụng được lưu giữ trong máy điện thoại của H từ trước.

Do tin tưởng nên chị Lê Thị O đã chuyển cho H nhiều lần với tổng số 22 thẻ tín dụng đứng tên nhiều người khác nhau với tổng hạn mức 460.000.000 đồng. H đã sử dụng 439.734.934 đồng trong 22 thẻ tín dụng trên bằng cách mua hàng hóa và được thanh toán qua máy Pos *(Máy thanh toán tiền tự động)* tại các cửa hàng, siêu thị hoặc rút tiền mặt thông qua việc mua hàng hóa giả tạo; gồm các thẻ có tên: Lê Đức Lẫm *(Sinh năm 1987; hạn mức 20.000.000 đồng; H đã sử dụng 19.410.150 đồng)*; Nguyễn Thị Kim Phượng *(Sinh năm 1979, hạn mức 30.000.000 đồng, H đã sử dụng 29.916.120 đồng)*; Nguyễn Tiến T *(Sinh năm 1976, hạn mức 20.000.000 đồng, H đã sử dụng 19.500.780 đồng)*; Ngô Thị Hiền *(Sinh năm 1985, hạn mức 20.000.000 đồng, H đã sử dụng 19.411.000 đồng)*; Nguyễn Ánh D *(Sinh năm 1985, hạn mức 25.000.000 đồng, H đã sử dụng 24.910.026 đồng)*; Bùi Phương Mỹ *(Sinh năm 1985, hạn mức 35.000.000 đồng, H đã sử dụng 34.400.890 đồng)*; Nguyễn Thị Thu *(Sinh năm 1989, hạn mức 20.000.000 đồng, H đã sử dụng 19.501.120 đồng)*; Nguyễn Thị L *(Sinh năm 1987, hạn mức 20.000.000 đồng, H đã sử dụng 19.442.017 đồng)*; Lương Thị Bích Liên *(Sinh năm 1987, hạn mức 20.000.000 đồng, H đã sử dụng 19.400.012 đồng)*; Nguyễn Thị Thùy Chi *(Sinh năm 1988, hạn mức 20.000.000 đồng, H sử dụng 19.950.000 đồng)*; Đinh Tiến Hoàn *(Sinh năm 1989, hạn mức 30.000.000 đồng, H sử dụng 29.400.988 đồng)*; Nguyễn Túc Vinh *(Sinh năm 1973, hạn mức 25.000.000 đồng, H sử dụng 24.505.612 đồng)*; Nguyễn Thị Lan *(Sinh năm 1988, hạn mức 15.000.000 đồng, H sử dụng 14.802.135 đồng)*; Đào Thị H2 *(Sinh năm 1978, hạn mức 20.000.000 đồng, H sử dụng 19.600.000 đồng)*; Nghiêm Bích Huyền *(Sinh năm 1976, hạn mức 15.000.000 đồng, H sử dụng 14.099.000 đồng)*; Ngô Thị Bích Nhung *(Sinh năm 1978, hạn mức 10.000.000 đồng, H sử dụng 9.599.000 đồng)*; Trần Thị Hương *(Sinh năm 1977, hạn mức 15.000.000 đồng, H sử dụng 14.100.000 đồng)*; Lê Thanh Hoa *(Sinh năm 1985, hạn mức 30.000.000 đồng, H sử dụng 20.774.000 đồng)*; Phạm Thanh Tùng *(Sinh năm 1989, hạn mức*

10.000.000 đồng, H sử dụng 9.500.000 đồng); Lê Thị Thùy Linh *(Sinh năm 1988, hạn mức 25.000.000 đồng, H sử dụng 24.460.000 đồng)*; Phạm Thị Ngọc Mai *(Sinh năm 1985, hạn mức 15.000.000 đồng, H sử dụng 13.152.000 đồng)*; Nguyễn Thị Thu H *(Sinh năm 1985, hạn mức 20.000.000 đồng, H sử dụng 19.900.084 đồng)*.

Sau khi sự việc bị phát giác, Đặng Thị H đã thanh toán lại toàn bộ số tiền mà H đã sử dụng trong 22 thẻ tín dụng nêu trên cho TP Bank. Kết luận giám định của Viện khoa học hình sự Bộ Công an đều kết luận: Chữ viết và chữ ký trong các hồ sơ làm thẻ tín dụng TPBank đều không phải là chữ ký và chữ viết của những cán bộ, giáo viên Trường TTL nêu trên.

Tại cơ quan điều tra, Đặng Thị H khai không nhớ được đã sử dụng những chiếc thẻ trên để mua hàng hóa và rút tiền ở những cửa hàng nào. Đối với các thẻ tín dụng Sacombank, sau khi các chủ thẻ được ngân hàng Sacombank trực tiếp giao tận tay đến các chủ thẻ. Do có ý định từ trước nên H đã nói với các chủ thẻ để đưa lại thẻ tín dụng cho H. Sau khi nhận được 2 thẻ tín dụng của chị Nguyễn Thị L và chị Nguyễn Thị Thu H, H đã tự ý sử dụng số tiền của 02 thẻ tín dụng là 44.052.800 đồng nhằm mục đích tiêu sài cá nhân và sử dụng vào việc buôn bán hàng hóa. Đối với 22 thẻ tín dụng TPBank, H đã nhờ những người không quen biết để điền các thông tin cần thiết và giả chữ ký của những chủ thẻ. Sau đó H đã dùng thủ đoạn gian dối, thông qua số điện thoại sim rác và điện thoại của H được ghi trong các hồ sơ làm thẻ tín dụng, nhằm lừa dối người giao thẻ tín dụng, để trực tiếp nhận các thẻ tín dụng và đã sử dụng đối với 22 thẻ tín dụng này. Bằng các thủ đoạn nêu trên H đã sử dụng số tiền trong các thẻ tín dụng đó với tổng số tiền là 439.734.934 đồng.

Để tạo lòng tin đối với chị Đào Thị H2 và các cán bộ, giáo viên Trường TTL, trước khi làm các thẻ tín dụng Đặng Thị H đã tự bỏ tiền của mình ra mua 20 chiếc điện thoại do Trung Quốc sản xuất *(không rõ chủng loại)*, kèm theo 20 sạc điện thoại, 20 sim rác, 03 sạc đa năng và 20.000.000 đồng tiền mặt đưa cho chị Đào Thị H2 để chuyển đến cho các giáo viên làm thẻ tín dụng và nói đó là quà tặng của Ngân hàng. Chị Đào Thị H2 đã đưa điện thoại di động nêu trên cũng như các sạc pin, sim rác cho các giáo viên Trường TTL, nhưng không rõ những người cụ thể đã giao. Sau đó, chị H2 đã đưa lại cho H 06 điện thoại di động, còn 20 triệu đồng đã nộp cho cơ quan điều tra. Các điện thoại di động, vali, sạc pin hiện nay vẫn chưa thu hồi được là do một số giáo viên đã nhận được điện thoại di động nhưng do đó là loại rẻ tiền nên đã vứt bỏ. Số điện thoại di động cũng như sim rác mà H đã nhận lại hiện đã vứt đi nên không thu hồi được.

Tại cơ quan điều tra, chị Đào Thị H2 cùng với các chủ thẻ tín dụng nêu trên khai: Tất cả các giáo viên Trường TTL đều không có nhu cầu làm thẻ tín dụng

TPBank và cũng không được nhận các hồ sơ làm thẻ TPBank để trực tiếp điền các thông tin và ký tên. Sau khi được TPBank thông báo dư nợ, các cán bộ, giáo viên trường TTL mới biết và họ đã đề nghị làm rõ trách nhiệm của những người cung cấp thông tin cá nhân cho Ngân hàng làm ảnh hưởng đến uy tín cũng như công tác của mình.

Quá trình điều tra đã thu giữ: 01 điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Iphone 4; 01 điện thoại di động màu vàng nhãn hiệu VERTU A8 kèm theo sim số thuê bao 0977926662; số tiền 20.000.000 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số 106/2019/HS-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện TA đã áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 nay là điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Đặng Thị H 05 năm tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Ngoài ra bản án hình sự sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 18/11/2019, bị cáo Đặng Thị H kháng cáo đề nghị được giảm hình phạt , được hưởng án treo.

Ngày 15/11/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các anh Nguyễn Ánh D và Nguyễn Tiến T kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại, xem xét trách nhiệm của chị Đào Thị H2 và các nhân viên của các Ngân hàng liên quan.

Tại phiên tòa: Bị cáo và người có quyền lợi , nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị cáo Đặng Thị H thừa nhận đã sử dụng 02 thẻ Sacombank của chị Nguyễn Thị Thu H và Nguyễn Thị L để mua hàng; đã trực tiếp nhận và sử dụng 22 thẻ tín dụng TPBank để mua hàng và rút tiền mặt chi tiêu cho bản thân; bị cáo đã nhận ra sai lầm và đề nghị được xem xét giảm nhẹ hình phạt. Anh Nguyễn Tiến T và anh Nguyễn Ánh D đề nghị xác định lại tư cách tham gia tố tụng, các anh phải là người bị hại trong vụ án. Anh D khai không cung cấp thông tin cá nhân để mở thẻ tại bất cứ Ngân hàng nào; anh T khai anh có đồng ý để mở thẻ tín dụng tại Sacombank và có nhận được quà tặng là 01 chiếc điện thoại di động. Chi Đào Thị H2 cho rằng chị chỉ cung cấp thông tin cá nhân cho H để được mở thẻ tín dụng tại Sacombank; chị không biết và không liên quan đến việc mở thẻ tín dụng tại TP Bank; chị có nhận được tiền, vật chất từ H nói là quà tặng khuyến mại của Ngân hàng nhưng chưa kịp phát hết cho mọi người vì có việc hiếu trong gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ các Điều 331; 332; 333 và 334; điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Chấp nhận các

kháng cáo về hình thức; không chấp nhận các kháng cáo về nội dung, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, cụ thể: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Đặng Thị H 05 năm tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*; không có căn cứ để xác định chị Đào Thị H2 đồng phạm với Đặng Thị H; Bản án sơ thẩm xác định anh Nguyễn Tiến T và anh Nguyễn Ánh D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là chính xác.

Những người bào chữa cho bị cáo đề nghị: Hội đồng xét xử xem xét tính chất, mức độ, hậu qủa của hành vi; nhất là xem xét lại việc bị cáo sử dụng 02 thẻ Sacombank mua hàng để không áp dụng tình tiết tăng nặng *"Phạm tội nhiều lần"*; quá trình điều tra và tại các phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục toàn bộ thiệt hại; bị cáo nhất thời phạm tội lần đầu; nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; có hoàn cảnh kinh tế và gia đình khó khăn; chồng bỏ đi; bị cáo là lao động chính đang nuôi 02 con nhỏ để xem xét giảm nhẹ dưới khung hình phạt hơn nữa cho bị cáo.

Những người bảo vệ quyền lợi cho anh Nguyễn Ánh D và Nguyễn Tiến T sau khi phân tích, đánh giá, nhận định về các tình tiết của vụ án đã cho rằng còn nhiều điểm mâu thuẫn trong lời khai của bị cáo và chị Đào Thị H2 về việc cung cấp hồ sơ cá nhân của các giáo viên Trường TTL; việc nhận tiền, vật chất của bị cáo H; việc làm hồ sơ cấp thẻ tín dụng của bị cáo và các cán bộ Ngân hàng; việc chi tiêu mua hàng và rút tiền của bị cáo như thế nào, ở đâu, bao nhiêu chưa được làm rõ; còn nhiều tình tiết khách quan của vụ án chưa được Cơ quan điều tra xác minh làm rõ; bản án sơ thẩm đánh giá, nhận định không đúng bản chất sự việc, xác định chưa đúng tư cách tham gia tố tụng dẫn đến còn bỏ lọt người và hành vi có dấu hiệu của tội phạm; các Luật sư đều đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Trong phần đối đáp, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá các tình tiết giảm nhẹ mà các luật sư bào chữa cho bị cáo đưa ra. Đây là vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên việc bị cáo gian dối, lừa và chiếm đoạt tài sản của ai thì người đó là bị hại; Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách tham gia tố tụng của TP Bank và các anh Nguyễn Tiến T, Nguyễn Ánh D là đúng quy định tại các Điều 62 và 65 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm vụ án này, các cơ quan và người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục; không ai có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì. Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo là hợp lệ, được chấp nhận về hình thức.

[2] *Về nội dung:* Căn cứ các tài liệu, giấy tờ, chứng từ, hóa đơn đã thu giữ; căn cứ lời khai của bị cáo; lời khai của những người bị hại; lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; những người làm chứng; căn cứ các biên bản đối chất; các Bản kết luận giám định số 3450/C09-P5 ngày 31/8/2018, 3451/C09-P5 và 3453/C09-P5 cùng ngày 17/8/2018, 3456/C09-P5 ngày 15/8/2018 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an; và các tài liệu, chứng cứ chứng minh khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Trong khoảng thời gian tháng 10-11/2017, Đặng Thị H đã mua vali, điện thoại, sạc pin dự phòng, simcad và lấy tiền mặt đưa cho chị Đào Thị H2, là Kế toán Trường THPT TTL, thị trấn TA, huyện TA, nói là Ngân hàng ưu đãi, khuyến mãi khi mở thẻ tín dụng để chị H2 và một số cán bộ, giáo viên của Trường tin và đồng ý cung cấp thông tin cá nhân để mở thẻ tín dụng tại Sacombank. Khi Sacombank phát hành thẻ, Đặng Thị H đã nói họ đưa lại thẻ để làm thủ tục nhận quà tặng nhưng chỉ có 02 người đưa cho bị cáo và bị cáo đã chiếm đoạt 19.252.800 đồng trong thẻ tín dụng Sacombank của chị Nguyễn Thị L và 24.500.000 đồng trong thẻ tín dụng Sacombank của chị Nguyễn Thị Thu H bằng cách mua hàng hóa, rút tiền mặt. Cùng thời điểm đó, khi có được các thông tin về nhân thân của các cán bộ, giáo viên Trường THPT TTL, Đặng Thị H đã tự làm giả hồ sơ *(Tự điền, tự ký hoặc nhờ người khác làm)* để được mở thẻ tín dụng đứng tên 22 người tại TPBank; Sau khi gian dối để được nhận các thẻ này, bị cáo đã sử dụng để mua hàng hóa, rút tiền mặt chiếm đoạt tổng cộng 439.734.934 đồng của TPBank. Như vậy, tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại là 478.842.734 đồng.

Hành vi trên của Đặng Thị H bị Tòa án cấp sơ thẩm kết án về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" với tình tiết tăng nặng định khung *"Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng"* theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 *(Nay là điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017)* là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Xét kháng cáo của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử nhận thấy:* Bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội; hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản

của người khác; gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương; hành vi đó còn gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động đúng đắn của các Tổ chức tín dụng; gây nghi ngờ, mất đoàn kết trong nội bộ các cán bộ, giáo viên của Trường THPT TTL. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại; tại Cơ quan điều tra và tại các phiên toà bị cáo đã phần nào khai báo thành khẩn; ăn năn hối cải; về nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu; có hoàn cảnh kinh tế và gia đình khó khăn; đang nuôi con nhỏ. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; áp dụng tình tiết tặng nặng *"Phạm tội 02 lần trở lên"* theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 05 năm tù, dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là thỏa đáng, đúng quy định tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo đề nghị được giảm hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn Tiến T và anh Nguyễn Ánh D cũng như những người bảo vệ quyền lợi cho các anh đề nghị xem xét trách nhiệm của chị Đào Thị H2 và một số cá nhân khác, là người đã cung cấp các thông tin cá nhân, tiếp tay cho bị cáo Đặng Thị H phạm tội; quá trình điều tra chưa đầy đủ, cặn kẽ... Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Do tin lời Đặng Thị H và cũng vì ham lợi *(Được tặng nhiều quà và tiền khi có càng nhiều người mở nhiều thẻ tín dụng tại Ngân hàng)*, chị Đào Thị H2 đã cung cấp thông tin cá nhân của các cán bộ, giáo viên Trường THPT TTL cho Hoa để mở thẻ tín dụng tại Sacombank *(Nhưng chỉ có 08 người được Sacombank cho mở thẻ, trong đó có chị Nguyễn Thị L và chị Nguyễn Thị Thu H)*. Sau khi có được các thông tin cá nhân của các cán bộ, giáo viên Trường THPT TTL, Đặng Thị H đã liên hệ, nói dối với chị Nguyễn Thị Lệ Hằng, là nhân viên TPBank - Chi nhánh Thăng Long để được nhận tờ khai và tự điền hoặc nhờ người khác điền các thông tin của các cán bộ, giáo viên Trường TTL sau đó mở 22 thẻ tín dụng, trong đó có đứng tên các chủ thẻ là anh Nguyễn Tiến T và anh Nguyễn Ánh D; sau đó, bị cáo đã sử dụng 22 thẻ này để mua hàng, rút tiền mặt chiếm đoạt tiền của TPBank. Quá trình điều tra và tại các phiên tòa cho thấy chị Đào Thị H2 không biết và không giúp sức cho Đặng Thị H trong việc mở 22 thẻ tín dụng này; thậm chí chị H2 còn là 01 trong 22 người đứng tên chủ thẻ tín dụng mà H đã mở tại TPBank và bị H chiếm đoạt tiền; nội dung này cũng phù hợp với Bản kết luận giám định số 3456/C09-P5 ngày 15/8/2018 của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an; trong quá trình làm thẻ, H tự bỏ tiền ra mua và đưa một số đồ vật, tài sản, tiền cho chị H2, nói là quà tặng của Ngân hàng để làm tin. Căn cứ nội dung trên thì việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách tham gia tố tụng của TP Bank là bị hại; các anh Nguyễn Tiến

T và Nguyễn Ánh D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là hoàn toàn chính xác, đúng quy định tại Điều 62 và Điều 65 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Vì vậy, không có căn cứ để cho rằng chị Đào Thị H2 và các cán bộ Ngân hàng đồng phạm với Đặng Thị H; không có các vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hay điều tra chưa đầy đủ nên không có căn cứ để hủy bản án sơ thẩm như đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo và những người bảo vệ quyền lợi cho họ tại phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] *Về án phí phúc thẩm:* Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm, cụ thể:

1.1) Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt Đặng Thị H ***05*** *(Năm)* năm tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam *(Từ ngày 23/01/2019 đến ngày 10/5/2019)*.

1.2) Bị cáo Đặng Thị H phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm ngàn đồng)* án phí hình sự phúc thẩm.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Nam Hà

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- TT Lý lịch tư pháp QG - Bộ Tư pháp;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- TAND huyện TA;
- VKSND huyện TA;
- Công an huyện TA;
- THADS huyện TA;
- UBND phường HK, quận H, Hà Nội;
- UBND phường LM, quận H, Hà Nội;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có liên quan đến kháng cáo;
- Lưu HS, VT.